

Số: 203/QĐ-TH&THCS PĐ

Yên Tử, ngày 26 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai công khai danh sách thực hiện chi trả cho các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ; Chế độ chính sách Hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học tại trường, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh. Học kỳ 2 năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục Đào tạo “Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 Về việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Yên Tử khóa I, kỳ họp thứ 05 về dự toán chi ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách phường và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-UBND phường Yên Tử ngày 29/12/2025 của UBND phường Yên Tử "Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách phường năm 2026;

Căn cứ quyết định số 02/QĐ-TH&THCS PĐ ngày 01 tháng 01 năm 2026 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026” của Trường TH&THCS Phương Đông.

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031.

Căn cứ Nghị quyết 90/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ công văn số 456/SGDDT, ngày 05/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của UBND phường Yên Tử "Về việc phân bổ kinh phí".

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-TH&THCSPTĐ ngày 29/5/2026 của Trường TH&THCS Phương Đông về việc phê duyệt danh sách các đối tượng đang theo học tại Trường được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, học kỳ II năm học 2025-2026.

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-TH&THCSPTĐ ngày 21/5/2026 của Trường TH&THCS Phương Đông về việc phê duyệt danh sách các đối tượng đang theo học tại Trường được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031, học kỳ II năm học 2025-2026.

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-TH&THCSPTĐ ngày 17/6/2026 của Trường TH&THCS Phương Đông về việc phê duyệt danh sách các đối tượng đang theo học tại Trường được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa tại trường cho học sinh tiểu học theo Điều 5 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031. Học kỳ II năm học 2025-2026.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, bổ sung của Ủy ban nhân dân phường Yên Tử về việc thực hiện hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ miễn, giảm học phí, các đối tượng được hưởng chính sách xã hội.

Xét đề nghị của viên chức phụ trách kế toán về việc khai thực hiện chi trả cho các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ; Chế độ chính sách Hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học tại trường, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh. Học kỳ 2 năm học 2025-2026 của Trường TH&THCS Phương Đông theo thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai danh sách thực hiện chi trả cho các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Chi phí học tập theo Nghị

định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ; Chế độ chính sách Hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học tại trường, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh. Học kỳ 2 năm học 2025-2026 của Trường TH&THCS Phương Đông (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Thời gian công khai kể từ ngày 26/6/2026 đến hết ngày 26/9/2026.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ tài vụ, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

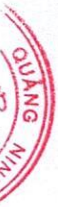
Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Lưu.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Ngọc Thanh



BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai danh sách thực hiện chi trả cho các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ; Chế độ chính sách Hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học tại trường, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh. Học kỳ 2 năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục Đào tạo “Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 Về việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Yên Tử khóa I, kỳ họp thứ 05 về dự toán chi ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách phường và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-UBND phường Yên Tử ngày 29/12/2025 của UBND phường Yên Tử "Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách phường năm 2026;

Căn cứ quyết định số 02/QĐ-TH&THCSPT ngày 01 tháng 01 năm 2026 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026” của Trường TH&THCS Phương Đông.

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031.

Căn cứ Nghị quyết 90/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ công văn số 456/SGDĐT, ngày 05/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của UBND phường Yên Tử "Về việc phân bổ kinh phí".

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-TH&THCSPĐ ngày 29/5/2026 của Trường TH&THCS Phương Đông về việc phê duyệt danh sách các đối tượng đang theo học tại Trường được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, học kỳ II năm học 2025 - 2026.

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-TH&THCSPĐ ngày 21/5/2026 của Trường TH&THCS Phương Đông về việc phê duyệt danh sách các đối tượng đang theo học tại Trường được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031, học kỳ II năm học 2025 - 2026.

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-TH&THCSPĐ ngày 17/6/2026 của Trường TH&THCS Phương Đông về việc phê duyệt danh sách các đối tượng đang theo học tại Trường được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa tại trường cho học sinh tiểu học theo Điều 5 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031. Học kỳ II năm học 2025 - 2026.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, bổ sung của Ủy ban nhân dân phường Yên Tử về việc thực hiện hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ miễn, giảm học phí, các đối tượng được hưởng chính sách xã hội.

Hôm nay, vào hồi 14h30 phút ngày 26/6/2026, Trường TH&THCS Phương Đông, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh tổ chức niêm yết công khai danh sách thực hiện chi trả cho các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031. Học kỳ II năm học 2025-2026 của Trường TH&THCS Phương Đông.

1. Thành phần:

- | | |
|---|------------------------------|
| - Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 78/79 đ/c; | - Vắng: 01 đ/c nghỉ thai sản |
| - Chủ trì: Đ/c: Nguyễn Ngọc Thanh | - Chức vụ: Hiệu trưởng |
| - Đại diện: Đ/c: Phạm Thị Mai Hương | - Chức vụ: Phó hiệu trưởng |
| - Đại diện: Đ/c: Đinh Thị Minh Toàn | - Chức vụ: Phó hiệu trưởng |
| - Đại diện tài chính: Đ/c: Phạm Thu Hà | - Chức vụ: Kế toán |
| - Người ghi biên bản: Đ/c: Lê Thị Kim Ngọc | - Chức vụ: Thư ký |

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai danh sách thực hiện chi trả cho các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Chi phí học tập, theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và

giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031. Học kỳ II năm học 2025-2026 (theo biểu đính kèm)

2.2. Thời gian niêm yết 90 ngày: Kể từ ngày 26/6/2026 đến hết ngày 26/9/2026.

2.3. Địa điểm niêm yết: Công khai trên trang Web và tại Bảng thông báo của Trường TH&THCS Phương Đông, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai thực hiện chi trả cho các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031. Học kỳ II năm học 2025-2026 của Trường TH&THCS Phương Đông, đề nghị gửi kiến nghị về trường (qua đ/c Phạm Thị Mai Hương - Chức vụ: Phó hiệu trưởng, SĐT: 0982.138.152) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định).

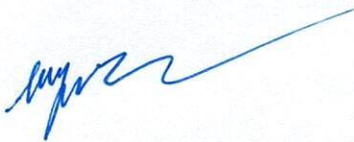
Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn bản công khai thực hiện chi trả cho các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Chi phí học tập theo Chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; Căn cứ Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031. Học kỳ II năm học 2025-2026 của Trường TH&THCS Phương Đông từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 17h ngày cùng ngày. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, 01 bản niêm yết công khai; 01 bản để lưu hồ sơ tại bộ phận kế toán.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Kim Ngọc

Phạm Thị Mai Hương

Phạm Thu Hà

Nguyễn Ngọc Thanh



Đinh Thị Minh Toàn

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG YÊN TỬ
TRƯỜNG TH&THCS PHƯƠNG ĐÔNG

DANH SÁCH CHI TRẢ HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA CHO HỌC SINH TIỂU HỌC (HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026)

Học sinh được hỗ trợ ăn trưa theo Điều 5 nghị định 93/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh

(Kèm theo Quyết định số: 185/QĐ-TH&THCSPĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phương Đông)

STT	Họ và tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD	Lớp	Số buổi ăn tháng 01/2026	Số tiền ăn tháng 01/2026	Số buổi ăn tháng 02/2026	Số tiền ăn tháng 02/2026	Số buổi ăn tháng 3/2026	Số tiền ăn tháng 3/2026	Số buổi ăn tháng 4/2026	Số tiền ăn tháng 4/2026	Số buổi ăn tháng 5/2026	Số tiền ăn tháng 5/2026	Tổng số buổi ăn tháng 01+02+3+4+5 năm 2026	Tổng số tiền ăn tháng 01+02+3+4+5 năm 2026
1	Tráng Uyên Thư	23/03/2018	022318001714	2A3	16	400.000	8	200.000	16	400.000	15	375.000	13	325.000	68	1.700.000
2	Chu Bảo Anh	18/10/2017	031317011275	3A1	16	400.000	7	175.000	16	400.000	16	400.000	13	325.000	68	1.700.000
3	Nguyễn Quỳnh Anh	02/05/2017	022317002822	3A3	16	400.000	8	200.000	16	400.000	16	400.000	13	325.000	69	1.725.000
4	Nguyễn Kiên Cường	26/05/2017	022217003470	3A3	16	400.000	8	200.000	16	400.000	16	400.000	13	325.000	69	1.725.000
5	Nguyễn Tấn Thịnh	21/10/2016	022216001226	4A2	13	325.000	8	200.000	16	400.000	15	375.000	13	325.000	65	1.625.000
6	Nguyễn Ngọc Phượng	07/07/2015	022315029538	5A1	16	400.000	8	200.000	16	400.000	16	400.000	13	325.000	69	1.725.000
7	Lê Phùng Như ý	23/12/2015	022315006210	5A2	14	350.000	8	200.000	16	400.000	15	375.000	13	325.000	66	1.650.000
8	Lê Phương Quỳnh	18/10/2015	022315002858	5A3	16	400.000	8	200.000	16	400.000	15	375.000	13	325.000	68	1.700.000
	TỔNG CỘNG				123	3.075.000	63	1.575.000	128	3.200.000	124	3.100.000	104	2.600.000	542	13.550.000

Bằng chữ: Mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

Phạm Thu Hà

KẾ TOÁN

Phạm Thu Hà

Yên Tử, ngày 17 tháng 6 năm 2026



Nguyễn Ngọc Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG YÊN TỬ
TRƯỜNG TH&THCS PHƯƠNG ĐÔNG

DANH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP (HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026)

Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh

(Kèm theo Quyết định số: 183/QĐ-TH&THCSPTĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phương Đông)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách Theo Nghị quyết 93/NQ-HĐND ngày 16/12/2025	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
I	Khối tiểu học					20	3.750.000	
1	Tráng Uyên Thu	2018	2A3	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
2	Nguyễn Kiên Cường	2017	3A3	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
3	Bùi Thái Gia Khánh	2017	3A3	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
4	Nguyễn Hoàng Hải	2016	4A1	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
5	Bùi Thái Ngọc	2015	5A1	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
II	Khối trung học cơ sở					185	27.750.000	
1	Phạm Thị Thanh Trúc	2014	6A1	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
2	Vũ Tâm Ngân	2014	6A1	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
3	Ngô Anh Trung	2014	6A2	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
4	Đào Phương Linh	2014	6A3	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Trợ cấp xã hội hàng tháng
5	Nguyễn Khánh Linh	2014	6A4	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Trợ cấp xã hội hàng tháng
6	Lê Minh Quang	2014	6A6	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động



7	Trương Thị Ngân Hà	2014	6A6	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
8	Dương Tố Quyên	2013	7A4	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
9	Phạm Thùy Dương	2013	7A4	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
10	Đỗ Uy Vũ	2013	7A4	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
11	Nguyễn Gia Huy	2013	7A4	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
12	Vũ Minh Khang	2013	7A5	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
13	Lê Phương Hà	2013	7A5	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
14	Phùng Đức Anh	2013	7A5	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
15	Nguyễn Hoàng Tú	2013	7A6	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
16	Nguyễn Phạm Tường Vy	2013	7A6	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
17	Phạm Ngân Phúc	2012	8A1	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
18	Nguyễn Như Ngọc	2012	8A1	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
19	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	2012	8A2	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
20	Phạm Ngọc Khánh Ngân	2012	8A2	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
21	Hoàng Văn Phú	2012	8A4	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
22	Nguyễn Long Hải	2012	8A4	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
23	Đỗ Bảo Trâm	2012	8A5	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
24	Nguyễn Thanh Ngọc	2012	8A5	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
25	Ngô Hải Ninh	2012	8A5	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động



26	Phùng Yến Nhi	2012	8A5	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
27	Vũ Tiến Thịnh	2012	8A5	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
28	Hoàng Kim Ngân	2012	8A6	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
29	Vũ Phương Vy	2013	8A6	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
30	Nguyễn Thu Hà	2012	8A8	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
31	Nguyễn Thành Nam	2012	8A8	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
32	Trần Diệu Linh	2011	9A1	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
33	Đào Tuấn Kiệt	2011	9A2	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
34	Phạm Ngọc Ánh	2011	9A3	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
35	Nguyễn Yến Linh	2011	9A4	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
36	Vũ Gia Hưng	2011	9A5	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
37	Đỗ Hoàng Anh	2011	9A6	Điều 8, khoản 1	150.000	5	750.000	Học sinh con tai nạn lao động
Tổng cộng: 42 học sinh						205	31.500.000	

Số tiền bằng chữ: *Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.*

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Thu Hà

KẾ TOÁN



Phạm Thu Hà

Ngày 15 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG YÊN TỬ
TRƯỜNG TH&THCS PHƯƠNG ĐÔNG

DANH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP (HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026)
Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025

(Kèm theo Quyết định số: 169/QĐ-TH&THCSPĐ ngày 29 tháng 05 năm 2026 của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phương Đông)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
I	Khối tiểu học					30	4.500.000	
1	Chu Bảo Anh	2017	3A1	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT tâm thần, thần kinh, trí tuệ - Nặng
2	Nguyễn Quỳnh Anh	2017	3A3	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nặng
3	Nguyễn Tấn Thịnh	2016	4A2	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nặng
4	Nguyễn Ngọc Phượng	2015	5A1	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Đặc biệt nặng
5	Lê Phùng Như Ý	2015	5A2	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nặng
6	Lê Phương Quỳnh	2015	5A3	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nặng
II	Khối trung học cơ sở					60	9.000.000	
1	Phạm Văn Phong	2012	6A3	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nhẹ
2	Trần Quỳnh Anh	2014	6A4	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nhẹ
3	Đinh Thị Anh Thư	2013	7A2	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	Mẹ khuyết tật, không có bố hưởng trợ cấp



4	Phạm Tuyết Mai	2013	7A2	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	Mẹ khuyết tật, không có bố hưởng trợ cấp
5	Lò Hoài Thương	2013	7A4	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS gia đình hộ nghèo tỉnh ngoài
6	Đỗ Kiều Trinh	2013	7A6	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nặng
7	Nguyễn Ngọc Huy Hoàng	2012	8A5	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS mất nguồn nuôi dưỡng
8	Đỗ Nhật Linh	2010	8A6	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nhẹ
9	Vũ Yến Nhi	2012	8A8	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS mồ côi cả cha lẫn mẹ
10	Nguyễn Diệu My	2010	9A1	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nặng
11	Đào Quốc Đại	2009	9A3	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nhẹ
12	Bùi Đức Hải	2011	9A4	Điều 17, khoản 2	150.000	5	750.000	HS KT trí tuệ - Nhẹ
Tổng cộng: 18 học sinh (I+II)						90	13.500.000	

Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Thu Hà

Ngày 29 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Thanh